

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HSST
Ngày: 09/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Bạo

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp . xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST- HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, T gọi khác: Không. Sinh ngày 01/01/1987 tại Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã H, huyện H, Đà Nẵng. Nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12, Dân tộc: Cơ Tu, giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông Trần Văn K (sinh năm: 1954) và bà Trần Thị N1 (sinh năm: 1962). Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ ba. Bị cáo có vợ là Bùi Thị H (sinh năm: 1992), có 02 con, con lớn sinh năm: 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35/LCCT-TA ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Đà Nẵng. Có mặt

2. Nguyễn Đức Anh Q, T gọi khác: không. Sinh ngày: 16/9/1999 tại Quảng Nam. HKTT: Khu phố G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: Tổ C, phường H, quận L, Tp .ĐN. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức Trung S (sinh năm: 1969) và bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1972). Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 36/LCCT-TA ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Đà Nẵng. Có mặt

- Bị hại: Anh Trần Văn T1 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trần Văn K, sinh năm: 1954 và bà Trần Thị N1, sinh năm: 1962; Trú tại: Thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Xuân T2, sinh

năm: 1972; Trú tại: Khối phố A, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h00 ngày 30/7/2024, Trần Văn N điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 43K1-554.22 chở theo em trai là Trần Văn T1 (SN: 2001; trú tại: Thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) lưu thông trên đường số A hướng ra đường M (KCN H, Q. L) với tốc độ khoảng 50 km/h. Đến ngã tư giao nhau giữa đường số A với đường số A, N tiếp tục điều khiển xe mô tô đi thẳng vào ngã tư. Cùng lúc này, Nguyễn Đức A Q điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 92H1-051.33 lưu thông trên đường số A (hướng từ bên trái theo chiều đi của N) với tốc độ khoảng 40 km/h cũng vào ngã tư đường. N điều khiển xe mô tô vào ngã tư thì mới phát hiện xe mô tô do Q điều khiển nên không kịp giảm tốc độ mà chỉ đánh lái sang phải để tránh xe của Q. Cùng lúc đó, Q điều khiển xe mô tô nhưng thiếu chú ý quan sát nên không nhường đường cho xe của N dẫn đến 02 xe mô tô va chạm với nhau, người ngồi trên xe và 02 xe ngã xuống đường. Hậu quả: Trần Văn T1 bị chấn thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, đến ngày 31/7/2024 thì tử vong. Trần Văn N và Nguyễn Đức Anh Q bị thương. Hai xe mô tô bị hư hỏng.

*** Vật chứng tạm giữ:**

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu Exciter, BKS 43K1-554.22, số khung 018804, số máy 024111.

- 01 (Một) xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, BKS 92H1-051.33, số khung 517477, số máy 5c63517526.

* **Kết luận giám định tử thi:** Số 693/KLGĐTT-KTHS ngày 28/8/2024 của Phòng KTHS Công an T4, kết luận: Nguyên nhân tử vong của Trần Văn T1 là do chấn thương sọ não.

* **Kết luận giám định:** Số 2354/KL-KTHS ngày 28/10/2024 của Phòng KTHS Công an T4, kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Đức Anh Q tại thời điểm giám định là 07%.

* **Kết luận giám định:** Số 2355/KL-KTHS ngày 28/10/2024 của Phòng KTHS Công an T4, kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Văn N tại thời điểm giám định là 06%.

Dấu vết tại hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là ngã tư đường số A với đường số A, thuộc Khu công nghiệp H, Q. L, TP ĐN. Đường số 10B và đường số A là đường đôi, hai chiều, không có giải phân cách, rộng 10,5m; mặt đường trải nhựa, bằng phẳng, không có vạch kẻ phân phần đường.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng đường số 12B đi hướng đường số A. Chọn mép đường bên trái và đường kẻ thẳng tưởng tượng của mép đường số 12B theo hướng khám nghiệm làm mép chuẩn thứ nhất (ký hiệu L1); chọn mép đường bên trái và đường kẻ thẳng tưởng tượng của mép đường 10B theo hướng H - đường M làm mép chuẩn thứ hai (ký hiệu L2); điểm mốc từ trục lớp sau xe mô tô BKS 92H1-051.33 kéo vào mép kẻ thẳng đường số 10B. Tất cả các dấu vết, phương tiện, nạn nhân, tại hiện trường được đánh số thứ tự từ (1) – (4), cụ thể:

- Vị trí vết cày xước trên mặt đường (1): Không liên tục, dài 6,15m; đầu vết cày cách L1 về hướng đi Hòa Liên 0,56m; đuôi vết cày ngay trục giữa xe mô tô BKS 92H1-051.33.

- Vị trí xe mô tô BKS 92H1-051.33 (2): Xe ngã về bên trái, sát đường bó vỉa của đường số 10B và đường số A; đầu xe đè lên mặt bó vỉa; trục bánh sau cách L1 về hướng đi H 5,5m, cách L2 2,8m; trục bánh trước cách L1 4,85m, cách trục bánh sau xe mô tô 43K1-554.22 là 1,45m.

- Vị trí vết cày xước trên mặt đường (3): Không liên tục, dài 6,2m; đầu vết cày cách L1 về hướng đường M 1,35m; cách đầu vết cách (1) về hướng đường M 2,35m; đuôi vết cày ngay trục giữa xe mô tô 43K1-554.22.

- Vị trí xe mô tô BKS 43K1-554.22 (4): Xe ngã về bên trái, trục bánh sau cách L1 3,56m về hướng H, cách trục bánh trước xe mô tô BKS 92H1-051.33 về hướng đường M 1,45m; trục bánh trước cách L1 3,2m.

*** Khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS 92H1-051.33 thể hiện:**

- Trục lái bị lệch khỏi vị trí ban đầu.
- Ốp nhựa mặt nạ trước đồng hồ bị bể, vỡ rơi ra ngoài.
- Tay thắng bên phải bị cong vẹo về sau.
- Ốp nhựa yếm chắn gió bên phải bị nứt, vỡ, cà xước trên diện (54x28)cm.
- Mặt trên ốc giữ trục trước bên phải có vết móp, lún kim loại, kích thước (1x0,7)cm.
- Mặt dưới trục trước bên phải có vết cà xước kim loại, kích thước (0,6x0,6)cm.
- Hệ thống điều khiển tay cầm bên trái bị bung bách.
- Yếm chắn gió bên trái bị cà xước, nứt vỡ trên diện (23x17)cm.
- Đầu gác để chân bên trái có vết cà mòn kim loại, kích thước (1x1)cm.
- Ốp nhựa hông xe bên trái có vết cà xước nhựa, kích thước (25x12)cm.

- Mặt ngoài tay cầm kim loại yên sau bên trái có vết cà xước, kích thước (14x2)cm.

- Kỹ thuật an toàn phương tiện: Không kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện.

*** Khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS 43K1-554.22, thể hiện:**

- Trục lái bị lệch khỏi vị trí ban đầu.

- Ốp nhựa mặt nạ đồng hồ bể vỡ, bung bách giữ.

- Đầu tay côn bên trái có vết cà mòn kim loại, kích thước (1,5x1,5)cm, tay côn bị cong vẹo.

- Ốp nhựa yên chắn gió bên trái bị nứt, gãy, bung bách giữ, mặt ngoài có vết cà mòn nhựa trên diện (45x47)cm, trên nền cà xước bám dính mẫu vật chất màu đỏ, trắng.

- Điểm dưới cùng và mặt dưới trục giảm sóc trước bên trái có vết móp, lún kim loại, kích thước (1x1)cm.

- Cần số bị cong gập về sau.

- Mặt dưới gác để chân sau bên trái có vết cà mòn kim loại, kích thước (3,5x1,5)cm.

- Ốp nhựa hông xe bên trái bị nứt, cà mòn trên diện (18x8)cm.

- Ốp nhựa yếm chắn gió bên phải bị bung bách giữ.

- Mặt dưới trục trước bên trái có vết cà xước, móp, lún kim loại, kích thước (1x1)cm.

- Kỹ thuật an toàn phương tiện: Không kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện.

*** Kết luận giám định:** Số 762/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng KTHS Công an T4, kết luận: Cơ chế hình thành dấu vết:

- Vết 1 trên xe mô tô BKS 43K1-554.22 hình thành phù hợp do mặt ngoài đầu dưới thanh giảm sóc bên trái và mặt dưới bu-lông giữ trục trước bên trái bánh xe trước của xe này và chạm với mặt ngoài, mặt dưới trục trước bên phải bánh xe trước và mặt trên, mặt ngoài bu-lông giữ trục trước bên phải bánh xe trước của xe mô tô BKS 92H1-051.33, đồng thời tạo nên Vết 1 trên xe mô tô BKS 92H1-051.33.

- Vết 2 trên xe mô tô BKS 43K1-554.22 hình thành phù hợp do mặt trước, mặt ngoài chắn gió bên trái và mặt trên ốp nhựa phía trước, phía trong tay cầm lái, bên trái của xe này va chạm với mặt ngoài chắn gió bên phải và thắng tay, tay cầm lái và nhựa phía trong tay cầm lái bên phải của xe mô tô BKS 92H1-051.33, đồng thời tạo nên Vết 2 trên xe mô tô BKS 92H1-051.33.

- Vết 3 trên xe mô tô BKS 43K1-554.22 hình thành phù hợp do mặt trước cần số trước và mặt trước gác chân trước bên trái của xe này va chạm với mặt ngoài ốp ống xả khối và mặt ngoài ống xả khối của xe mô tô BKS 92H1-051.33, đồng thời tạo nên Vết 3 trên xe mô tô BKS 92H1-051.33.

*** Về xử lý vật chứng:** Ngày 11/02/2025, Cơ quan CSĐT Công an quận L ra Quyết định xử lý vật chứng số 247/QĐ-ĐTTH trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Exciter, BKS 43K1-554.22, số khung 018804, số máy 024111 (thuộc sở hữu của nạn nhân Trần Văn T1) cho Trần Văn N là người được ủy quyền của gia đình nạn nhân; trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, BKS 92H1-051.33, số khung 517477, số máy 5c63517526 cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Xuân T2 (địa chỉ: Khu phố G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam), chị T2 cho Q mượn xe mô tô để sử dụng.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Đức Anh Q đã thỏa thuận thống nhất bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng và đã bồi thường xong. Bị cáo N đã cùng với gia đình trả tiền viện phí và lo mai táng cho bị hại theo phong tục địa phương. Ngoài ra, gia đình bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu Tp. Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Đức Anh Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm đã truy tố đồng thời đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Đức Anh Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Anh Q từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Đức Anh Q đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo N đã cùng với gia đình trả tiền viện phí và lo mai táng cho bị hại theo phong tục địa phương. Ngoài ra, gia đình bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

-Về phần xử lý vật chứng: Ngày 11/02/2025, Cơ quan CSĐT Công an quận L ra Quyết định xử lý vật chứng số 247/QĐ-ĐTTH trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Exciter, BKS 43K1-554.22, số khung 018804, số máy 024111 (thuộc sở hữu của người bị hại Trần Văn T1) cho Trần Văn N là người được ủy quyền của gia đình bị hại; trả lại 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, BKS 92H1-051.33, số khung 517477, số máy 5c63517526 cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Xuân T2 (địa chỉ: Khu phố G, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam), chị T2 cho Q mượn xe mô tô để sử dụng theo biên bản giao nhận ngày 12/2/2025 là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Đức Anh Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Bị cáo N và bị cáo Q rất hối hận về hành vi của mình đã gây ra. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội đi làm phụ giúp gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội và có cơ hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn N và Nguyễn Đức Anh Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08h00 ngày 30/7/2024, Trần Văn N (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô Exciter, BKS 43K1-554.22 chở theo sau anh Trần Văn T1 lưu thông trên đường số A hướng ra đường M (KCN H) khi vào ngã tư đường giao nhau giữa đường A và đường A, Nin thiếu chú ý quan sát, không kịp giảm tốc độ nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô hiệu Sirius, BKS 92H1-051.33 do Nguyễn Đức A Q điều khiển lưu thông trên đường số A vào ngã tư. Đối với Nguyễn Đức A Q điều khiển xe mô tô nhưng thiếu chú ý quan sát, khi đi đến ngã tư giao nhau không có biển báo đi theo vòng xuyên nhưng Q không nhường đường cho xe di chuyển đến từ phía bên phải (cụ thể là xe của N), dẫn đến tai nạn giao thông và hậu quả là anh Trần Văn T1 tử vong.

Hành vi của Trần Văn N đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ; Nguyễn Đức Anh Q vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8, Khoản 1 Điều 24 Luật giao thông đường bộ.

Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ với tình tiết định khung “*Làm chết người*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS như bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất tính vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Trong vụ án này cả Trần Văn N và Nguyễn Đức Anh Q đều có lỗi khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhưng thiếu chú ý quan sát, không kịp giảm tốc độ

không nhường đường nên đã xảy ra va chạm dẫn đến tai nạn giao thông và hậu quả là anh Trần Văn T1 tử vong. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, mà còn gây thiệt hại cho sức khỏe của người khác. Do đó cần phải quyết định một mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo N và Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Bị cáo Q đã bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 50.000.000 đồng, có ông nội Nguyễn Đức T3, bà nội Trần Thị L là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, có bố ruột bị bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc loại hưng cảm F25.0. Bị cáo N cũng là anh trai ruột của người bị hại đã cùng với gia đình trả tiền viện phí và lo mai táng cho nạn nhân theo phong tục địa phương, là người dân tộc thiểu số (dân tộc Cơ Tu), cả hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận chính quyền địa phương và cả hai bị cáo đều được đại diện của gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho hưởng án treo do đó cả N và Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cho 2 bị cáo N và Q được hưởng án treo, không cần thiết xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục làm việc, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ sức răn đe.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Q đã thỏa thuận thống nhất bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng; đến nay đã bồi thường xong. Bị cáo N đã cùng với gia đình trả tiền viện phí và lo mai táng cho bị hại theo phong tục địa phương. Gia đình bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô, nhãn hiệu Exciter, BKS 43K1-554.22, số khung 018804, số máy 024111 (thuộc sở hữu của nạn nhân Trần Văn T1), Trần Văn N là người được ủy quyền của gia đình nạn nhân và 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, BKS 92H1-051.33, số khung 517477, số máy 5c63517526 chủ sở hữu là Nguyễn Thị Xuân T2. Cơ quan CSĐT Công an quận L đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là Trần Văn N là người được ủy quyền của gia đình nạn nhân và bà Nguyễn Thị Xuân T2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Các ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo N và Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Đức Anh Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Căn cứ Nghị quyết 01/2022/NQ_HĐTP ngày 15/4/2022 về việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Căn cứ Nghị quyết 01/2022/NQ_HĐTP ngày 15/4/2022 về việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Anh Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn N và bị cáo Nguyễn Đức A Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người đại diện theo pháp luật của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. L, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. L, Đà Nẵng;
- Công an Tp Đà Nẵng KV L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh

